

Bản án số: 82/2021/HS-PT
Ngày 16 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 977/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Anh T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Phạm Anh T, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh năm: 1983. ĐKKHKT và chỗ ở: Số 02/40/178 đường TK, phường NT, thành phố Đ, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Phạm Văn Th, sinh năm 1962 (đã chết); con bà: Vũ Thị L, sinh năm 1962. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ Trần Thị Ng, sinh năm 1987. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lã Trung K; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh năm: 1972. ĐKKHKT: Tổ 51 TN, phường QT, thị xã ST, thành phố H. Tạm trú: Số 5/16/45/188 đường TK, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Lã Trọng A, sinh năm 1947; con bà: Chu Thị M, sinh năm 1949. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ Phạm Thị G, sinh năm 1976. Có 02 con, con

lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 03/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hải S; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh năm: 1979. ĐKKHKT và chỗ ở: Số 14/197 đường TT, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 10/12. Nghề nghiệp: Tự do; con ông: Nguyễn Văn D (đã chết); con bà: Trần Thị P, sinh năm 1950. Gia đình có 2 chị em, bị can là con thứ hai. Vợ Nguyễn Thị X (đã ly hôn), sinh năm 1984. Có 01 con sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/7/2002 TAND quận TB, thành phố C xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16/3/2007 bị TAND quận 12, thành phố C xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/01/2009 bị TAND quận BT, thành phố C xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 12 thôn Q, xã ĐX, huyện NC, tỉnh Đ. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:* Luật sư Võ Đình B - Công ty Luật AS, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1969; địa chỉ: Đội 18, xã ĐX, huyện NC, tỉnh Đ. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, bà Vũ Thị N có vay bà Đỗ Thị Y ba lần với tổng số là 4,5 cây vàng, cùng thời điểm bà Đoàn Thị E vay của bà N số tiền 170.000.000 đ, bà Y vay của bà Đỗ Thị Ng 05 chỉ vàng.

Tháng 11/2013, giữa bà N, Y, E, Ng có sự thỏa thuận, thống nhất về việc chuyển dịch số nợ trên như sau: Bà E vay của bà N số tiền 170.000.000 đồng thì bà E sẽ nhận số nợ của bà N đang nợ bà Y là 4,5 cây vàng (Tương đương 140.000.000 đồng) và bà E chỉ còn nợ lại bà N số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, giữa bà N, bà Y không còn nợ tiền nhau nữa. Bà E có ý định bán mảnh đất 400m² tại Đội 8, xã ĐX, huyện NC, tỉnh Đ cho bà Ng để lấy tiền trả cho bà Y. Tuy nhiên, bà Ng không mua, nên việc thống nhất chuyển dịch nợ giữa bà N, bà Y, bà E không thành. Như vậy, bà N vẫn còn nợ bà Y 4,5 cây vàng; bà Y nhiều lần gặp, yêu cầu bà N trả lại 4,5 cây vàng nhưng bà N không trả.

Do mối quan hệ xã hội, bà Y có quen biết Phạm Anh T và Lã Trung K. Bà Y có kể lại cho T, K nghe việc bà N đang nợ bà Y 4,5 cây vàng nhưng không trả, bà Y đến đòi nợ thì bị bà N đuổi, đánh. Thấy vậy T, K đồng ý đi cùng bà Y đến nhà bà N để đòi nợ (trước đó bà Y có nợ T số tiền 200.000.000 đồng nhưng chưa có tiền trả, nếu đòi được bà N 4,5 cây vàng thì bà Y sẽ trả lại cho T). K rú

thêm Nguyễn Hải S và Hà Quốc Kh, sinh năm 1984, trú tại: Ngõ 186 đường VT, phường TK, thành phố Đ, tỉnh Đ đi cùng. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, các đối tượng T, K, S, Kh nhiều lần đe dọa, uy hiếp tinh thần bà N và gia đình bà N để đòi nợ cho bà Y, trong đó nổi bật lên một số lần cụ thể như sau:

Ngày 25/01/2015, bà Y, T và 02 nam thanh niên (không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể) đến nhà yêu cầu bà N trả nợ. Bà N đã dẫn bà Y và các đối tượng sang nhà bà E để lấy cây cảnh trừ nợ (Bà N đã thống nhất từ trước với bà E). Tuy nhiên, các bên đã không thống nhất được giá cây cảnh để đổi trừ nợ nên các đối tượng tiếp tục yêu cầu bà N phải trả 4,5 cây vàng. Hai bên có lời lẽ to tiếng, thì 01 nam thanh niên (không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể) đi cùng bà Y đã dùng cốc nước hắt vào mặt bà N, sau đó cả bọn đi về.

Ngày 17/10/2015, K, T đi qua nhà thấy bà N đang tổ chức đám cưới cho con, liền đi vào, K yêu cầu tắt nhạc, T yêu cầu gặp con trai bà N để đòi nợ, nhưng được sự can ngăn của những người trong đám cưới nên K, T ra về.

Ngày 12/01/2016, K, T gặp bà N đang bán hàng tại chợ TU, xã ĐX, huyện NC, tỉnh Đ. T yêu cầu trả nợ cho bà Y, nhưng bà N không trả, lại có lời lẽ to tiếng, chửi mắng, T tức vì bị xúc phạm, nên dùng tay tát về phía mặt bà N, nhưng không trúng, bà N bỏ chạy vào nhà ông Nguyễn Đức Quế, sinh năm 1941 ở trong chợ. K, T đuổi theo, nhưng ông Quế ngăn lại, không cho vào nên bỏ đi.

Chiều ngày 07/02/2016 (tức ngày 29/12 âm lịch, ngày cuối cùng của năm âm lịch 2015), K, S, Kh đang ngồi tại một quán uống bia ở khu vực cầu I, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ thì K nhận được điện thoại của bà Y. Sau đó K nói với S, Kh: “Cô tao là Y vừa điện thoại nói là bà N hứa sẽ trả tiền, anh em mình xuống dưới đây xem như thế nào”. S, Kh đồng ý đi cùng K. Khi đến nơi thì thấy bà Y và T đang đứng chờ trước cổng nhà bà N. Bà Y, K, T đi vào trong nhà, còn S, Kh đứng ngoài sân. Lúc này giữa bà Y, K, T và bà N xảy ra cãi chửi nhau. Bà N không trả nợ cho bà Y mà đi ra ngoài cổng đứng. T, K, S, Kh tiếp tục ở lại trong nhà bà N đến khoảng 17h30 phút cùng ngày thì mua thịt chó, rượu đem về ăn uống tại phòng khách nhà bà N; lúc này bà Y bỏ đi ra ngoài. Trong khi ăn, uống, các đối tượng tiếp tục có lời nói đe dọa, thách thức bà N, nếu bà N không trả tiền thì các đối tượng sẽ ở lại nhà bà N đến hết tết, cụ thể như: S đe dọa: “Bà nợ thì bà phải trả đê. Đừng đê, đ. mẹ, từ giờ đến tối nhá. Tối nhá là xác định nhá”, “Đ. mẹ mày mà không thu xếp nhá, tối nay nhá, tao cho mày nằm luôn, đo ván luôn”, T đe dọa: “Cháu nói cô N nhá, đây, cháu chờ muộn nhất là 6 giờ nhá. Còn không, quá 6 giờ...chuyển tiền, chuyển gia đình cháu nhá, cô đừng nói là ra giêng...có vấn đề gì cháu báo trước cô vậy nhá”, T nói tiếp “Còn hôm nay không trả tiền thì bọn cháu cứ ở đây đến ngày mai”, K nói: “Lúc mày lấy tiền, đ. mẹ mày, lúc cần, mày lấy tiền sao mày xuống nhanh thế”. Trong lúc này, tại nhà bà N, ngoài bà N ra, các đối tượng phát hiện có ông

Đỗ Đức R (là chồng bà N) bị bà N nhốt tại buồng trong. Khi nhận được thông báo, lực lượng công an xã ĐX đã đến, yêu cầu các đối tượng rời khỏi nhà bà N, không được gây mất trật tự an ninh. Tuy nhiên, sau khi lực lượng Công an xã ĐX rời khỏi nhà bà N thì K, T, S, Kh tiếp tục quay trở lại nhà bà N, dùng cành cây khô, đốt lửa nấu mỳ tôm ăn tại sân nhà bà N. Đến khoảng 23h cùng ngày, sau khi nhận được tin báo, lực lượng Công an xã ĐX tiếp tục xuống, lập biên bản, yêu cầu các đối tượng ra về, không được ở lại nhà bà N. Tuy nhiên, sau khi lực lượng Công an xã rời đi, thì K, S, Kh lại quay trở lại và ngủ lại qua đêm giao thừa tại nhà bà N, nhằm tiếp tục gây sức ép, uy hiếp tinh thần để bà N phải trả nợ. Trong khoảng thời gian này, K đe dọa: “Đ. mẹ thằng nào nợ tiền tôi, chỉ cần nói câu, bây giờ tao hỏi mày: Giả hay không giả? Nó nói một câu tao đ. giả. Đ. mẹ mày, từ già đến trẻ, từ người nhà... đừng bao giờ... cửa” K nói tiếp “Chị xác định luôn là tết này đừng ai đến nhà chị chơi”. K tiếp tục đưa con trai bà N ra đe dọa bà N. K nói: “Bây giờ gần 12 giờ, đ. mẹ, đêm nay tôi nằm ở đây nhá. Gần 12 giờ nhá, tôi khẳng định một câu này, thích để cho nó làm thì nó làm, thích cho nó nghỉ là nó nghỉ”.

Đến khoảng 6h30 phút ngày 08/02/2016 (tức ngày 01 tết Nguyên đán năm 2016), do liên tiếp bị các đối tượng có lời nói đe dọa, thách thức, gây sức ép về mặt tinh thần, nên bà N buộc phải đồng ý hẹn các đối tượng đến chiều ngày 09/02/2016 (Tức ngày mừng 02 tết) sẽ trả trước 36.000.000 đồng (Tương đương 1 cây vàng), trước sự chứng kiến của lực lượng công an xã ĐX. Lúc này bà Y, K, S, Kh mới chịu rời khỏi nhà bà N. Như đã hẹn, khoảng 14h ngày 09/02/2016, tại nhà bà N, có mặt lực lượng Công an xã ĐX, có mặt bà Y, T, K, S, Kh, bà N đã trả cho bà Y số tiền 36.000.000 đồng (tương đương 01 cây vàng), số vàng còn lại 3,5 cây, bà N viết giấy nhận nợ và cam kết đến cuối năm 2016, đầu năm 2017 thì trả nốt. Ngày 20/9/2016 và ngày 23/01/2017 bà N tự nguyện đem trả bà Y hết 3,5 cây vàng như đã thỏa thuận.

Trong khoảng thời gian đòi nợ bà N, các đối tượng T, K còn gọi điện thoại, đến trực tiếp nhà, chửi bới, đe dọa anh Đỗ Đức U, sinh năm: 1985, trú tại: Số 2, ngách 22, ngõ 1064 đường NK, phường HR, quận HM, thành phố H (là con trai bà N), để gây sức ép lên bà N. Cụ thể: K đe dọa: “Tao chỉ hỏi gia đình nhà mày một câu thôi. Đ. mẹ, có giả hay không giả, nói một câu”, “Lần này tao lên tao oánh chết con mẹ mày luôn đấy, con lợn này nhá...Đ. mẹ, ngồi xe lăn luôn. Mày nhớ một điều như thế. Mày...biết bố mày đấy. Đ. mẹ mày, điện khẩn trương cho mẹ mày nói chuyện với tao nhanh lên”.

Ngày 18/7/2019 và ngày 03/12/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện NC, tỉnh Đ đã trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an về giám định âm thanh giọng nói của Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S trong những tập tin hình ảnh, âm thanh mà bà N, anh U đã cung cấp cho cơ quan điều tra. Ngày 18/11/2019 và ngày 27/12/2019 Viện khoa học hình sự - Bộ công an có Bản kết luận giám định số 4087/C09-P6, số 7236/C09-P6 với nội dung có nhiều lời nói

đe dọa, đòi nợ, thách thức của Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S; Trong các tập tin không phát hiện dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung.

Những nội dung liên quan đến vụ án:

Đối với bà Đỗ Thị Y: Cả 3 đối tượng T, K, S cũng như lời khai bà Y không thừa nhận việc bà Y thuê các đối tượng đến nhà bà N đòi nợ; Bà Y không chỉ đạo các đối tượng thực hiện hành vi chửi bới, đe dọa, gây sức ép đối với bà N và gia đình bà N để đòi nợ. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Y.

Đối với Hà Quốc Kh đã chết do tai nạn giao thông vào tháng 10/2016, nên không đề cập xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Phạm Anh T 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lã Trung K 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2020; xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020 bị hại bà Vũ Thị N kháng cáo có nội dung: Xét xử các bị cáo chịu hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng các tình tiết tăng nặng phù hợp với hành vi của các bị cáo; xem xét việc bỏ lọt tội phạm, đề nghị thực hiện khởi tố đối với bà Đỗ Thị Y, chủ mưu đồng phạm trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại thay đổi nội dung kháng cáo, không đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 và không áp dụng các tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo và chỉ kháng cáo hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Đỗ Thị Y, chủ mưu đồng phạm trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phân tích đánh giá diễn biến vụ án, phân tích các nội dung kháng cáo và đề nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Vũ Thị N tự nguyện rút kháng cáo tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của bị hại. Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu hủy án sơ thẩm để xem xét hành vi của bà Đỗ Thị Y là đồng phạm trong vụ án, thấy: Bà Đỗ Thị Y tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã xem

xét thấy chưa có đủ căn cứ xử lý đối với đối tượng Đỗ Thị Y; tại phiên tòa phúc thẩm bị hại không yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và cho rằng các bị cáo chỉ hành động theo sự sai bảo của bà Y. Như vậy, bà Y chưa bị xét xử trong vụ án này, nên việc yêu cầu hủy án sơ thẩm sẽ ảnh hưởng bất lợi cho các bị cáo vì các bị cáo đã bị tạm giam gần bằng thời gian chấp hành hình phạt tù như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đề nghị khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với bà Đỗ Thị Y là không đúng vì bà Y là người giữ vai trò chủ mưu, thuê mướn các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tục, nhiều lần trong suốt thời gian dài, nhiều năm trời, bà Đỗ Thị Y là người trực tiếp cầm, nhận tiền, vàng từ bà Vũ Thị N với tổng cộng là 4,5 cây vàng. Thực tế hồ sơ và diễn biến vụ án cho thấy bà Y tham gia và có mặt tại nhà bà Vũ Thị N và có lời lẽ chửi bới nghiêm trọng đối với bà Vũ Thị N. Nếu không có sự đe dọa về tính mạng, sức khỏe, tinh thần đối với bị hại thì không thể có sự nhận nợ và xin thanh toán làm thành 03 lần khác nhau. Hơn nữa ở các lần thanh toán vào ngày 20/09/2016 và ngày 23/01/2017 bà Đỗ Thị Y đã tiếp tục cùng các bị cáo đến nhà để lấy tiền, vàng từ bà Vũ Thị N, bản thân bị hại đã bị đe dọa, uy hiếp khủng khiếp trong khoảng thời gian trước đó, vào thời điểm thiêng liêng như giao thừa, thời khắc quan trọng như đám cưới người thân nên bà N mới tiếp tục đưa tiền vàng ở 02 lần tiếp theo nên không thể nói là tự nguyện được.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được tại sao bà Đỗ Thị Y khai không thuê các bị cáo để đòi nợ nhưng bản thân bà Y lại ký bản cam kết không tiếp tục thuê các bị cáo đòi nợ, không làm rõ được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi chửi bới, xúc phạm danh dự, đánh đập của bà Y và các bị cáo đến việc bị hại phải trả số tiền, vàng là 4,5 cây vàng.

- Xuyên suốt quá trình điều tra, chúng tôi nhiều lần đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm làm rõ các vấn đề như ai là người trực tiếp đi mua rượu, mua thịt chó về ăn tại nhà bà Vũ Thị N, làm rõ sự liên tục trong hành vi phạm tội của các bị cáo từ ngày 02/02/2016 đến ngày 09/02/2016, làm rõ ai là người cầm đầu, chủ mưu trong việc đốt lửa, ăn uống và ngủ lại qua đêm tại nhà bà N để đánh giá và làm rõ vai trò tổ chức, vai trò giúp sức, vai trò thực hiện trong đồng phạm của bà Đỗ Thị Y và các bị cáo.

Từ căn cứ trên cho thấy, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, đề nghị làm rõ hành vi phạm tội của bà Đỗ Thị Y nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ không thực hiện thủ tục điều tra lại dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm không đủ căn cứ để khởi tố và xem xét hành vi phạm tội của bà Đỗ Thị Y, bản án sơ thẩm không xem xét đến trách nhiệm bồi

thường thiệt hại tinh thần, sức khỏe cho bị hại, bản án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm, đánh giá hành vi phạm tội không đúng thực tế, người phạm tội và cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn so với tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về hành vi phạm tội của bà Đỗ Thị Y và các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K, Nguyễn Hải S theo đúng tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, tránh bỏ lọt tội phạm, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị hại và những người liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Các bị cáo không đồng ý với các ý kiến mà Luật sư và ý kiến của bà Vũ Thị N đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng của cấp sơ thẩm: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Kháng cáo của bị hại bà Vũ Thị N trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại thay đổi rút một phần nội dung kháng cáo, không đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135 BLHS 1999 và không áp dụng các tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị: Bị hại rút kháng cáo tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung rút kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án lời khai của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa phúc thẩm xác định nội dung vụ án như sau: Do có mâu thuẫn trong việc vay nợ 4,5 cây vàng giữa bà Đỗ Thị Y và bà Vũ Thị N, bà Y đã nhiều lần đòi nợ bà N, nhưng bà N không trả, lại có hành vi đuổi đánh bà Y; Bà Y đã nhờ các đối tượng Phạm Anh T, Lã Trung K, (T rủ thêm Nguyễn Hải S và Hà Quốc Kh) nhiều lần xuống nhà bà N để đòi nợ. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, các đối tượng đã nhiều lần có những lời nói đe dọa, gây sức ép, uy hiếp về mặt tinh thần đối với bà N và anh U (con trai bà N); đặc biệt vào chiều, tối, đêm ngày 07/02/2016 (tức ngày cuối cùng năm âm lịch 2015), các đối tượng K, T, S, Kh có hành vi mang đồ ăn, uống rượu, đốt lửa ở sân, sau đó ngủ lại nhà bà N đến sáng ngày 08/02/2016 (tức ngày 01 Tết). Trong thời gian ở lại nhà bà N, các đối tượng có nhiều lời nói đe dọa,

chửi bới, thách thức, mục đích uy hiếp tinh thần bà N, buộc bà N phải trả số tiền 36.000.000 đồng cho bà Y vào chiều ngày 09/02/2016 (tức ngày 02 Tết). Trong khoảng thời gian đòi nợ bà N, các bị cáo còn gọi điện thoại, đến trực tiếp nhà, chửi bới, đe dọa anh Đỗ Đức U là con trai bà N để gây sức ép buộc bà N phải trả nợ.

Hành vi của các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K, Nguyễn Hải S đã dùng vũ lực, chửi bới, đe dọa nhằm mục đích tạo sức ép, uy hiếp tinh thần bị hại nhằm buộc bà N phải giao số tiền 36.000.000 đồng; đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội. Sau xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại là bà Vũ Thị N yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để đưa bà Đỗ Thị Y, chủ mưu đồng phạm trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã có quyết định trả hồ sơ để xem xét trách nhiệm của đối tượng mang tên là Đỗ Thị Y giữa mối quan hệ với các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S, nhưng đã không được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thực hiện, với giới hạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử đối với hành vi và đối tượng Viện kiểm sát truy tố là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm bị hại lại rút kháng cáo tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S; mặt khác mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Lã Trung K 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2020; đối với bị cáo Nguyễn Hải S 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020. Như vậy các bị cáo thực hiện gần xong hình phạt tù; Đối với nội dung kháng cáo của bị hại đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi và các chính sách pháp luật về hình sự đối các bị cáo. Để xem xét tiếp đối với hành vi của đối tượng Đỗ Thị Y, xét thấy không cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; Hội đồng phúc thẩm sẽ kiến nghị với cơ quan điều tra để làm rõ hành vi của đối tượng Đỗ Thị Y, đồng thời bị hại vẫn có quyền thu thập chứng cứ và vẫn có quyền kiến nghị với các cơ quan điều tra và Viện kiểm sát để xem xét xử lý tiếp hành vi của đối tượng Đỗ Thị Y.

Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị với Cơ quan điều tra tiếp tục xem xét hành vi của đối tượng Đỗ Thị Y (nếu có căn cứ) xử lý theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét phúc thẩm xét thấy: Chấp nhận rút kháng cáo về tăng hình phạt của người bị hại đối với các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S; không chấp nhận nội dung kháng cáo hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của người bị hại là bà Vũ Thị N.

[4] Về án phí: Bị hại là bà Vũ Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bị hại là bà Vũ Thị N về nội dung tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Vũ Thị N về nội dung hủy bản án sơ thẩm; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ về phân trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K và Nguyễn Hải S.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Anh T, Lã Trung K, Nguyễn Hải S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt **bị cáo Phạm Anh T 01 năm 03 tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt **bị cáo Lã Trung K 01 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2020;

Xử phạt **bị cáo Nguyễn Hải S 01 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2020.

3. Án phí: Bị hại là bà Vũ Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực

Lê Thị Mai

Hoàng Văn hạnh

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Bị cáo (qua trại);
- Người tham gia tố tụng (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn hạnh

